

Số: /GPMT-STN&MT

Hà Nam, ngày

tháng 11 năm 2024

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Hà Nam: số 46/2022/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2022 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam; số 49/2024/QĐ-UBND ngày 16/9/2024 về việc sửa đổi điểm d, khoản 1, Điều 2; điểm a, khoản 2, Điều 3; điểm a, khoản 1, Điều 4, Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2022 của UBND tỉnh Hà Nam về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam;

Căn cứ Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của UBND tỉnh Hà Nam về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM, phương án CTPHMT, cấp giấy phép môi trường đối với dự án thuộc thẩm quyền thẩm định, phê duyệt, cấp phép của UBND tỉnh;

Xét đề nghị của Công ty TNHH đồ chơi Yuhong tại văn bản số 15/CV-MT ngày 05/11/2024 về việc giải trình những nội dung chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của "Dự án của Công ty TNHH Đồ chơi Yuhong" và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý môi trường.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty TNHH đồ chơi Yuhong, địa chỉ trụ sở chính tại Km81+500 QL21, xã An Nội, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường dự án của Công ty TNHH đồ chơi Yuhong tại Km81+500 QL21, xã An Nội, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, Việt Nam với các nội dung sau:

#### 1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án của Công ty TNHH đồ chơi Yuhong.

1.2. Địa điểm hoạt động: Km81+500 QL21, xã An Nội, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, Việt Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp: 0700882318, đăng ký lần đầu ngày 25/5/2024. Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam.

1.4. Mã số thuế: 0700882318.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh: Sản xuất đồ chơi bằng nhựa, thú nhồi bông.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Tổng diện tích thuê nhà xưởng để thực hiện dự án: 11.536 m<sup>2</sup> thuê nhà xưởng của Công ty Cổ phần quốc tế AAT (các hạng mục công trình phụ trợ như: nhà ăn, nhà vệ sinh, nhà điều hành, nhà xe, nhà chứa rác thải, sân đường nội bộ dùng chung với Công ty Cổ phần quốc tế AAT).

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất sản xuất: Đồ chơi bằng nhựa: 10.000.000 sản phẩm/năm; Thú nhồi bông: 10.000.000 sản phẩm/năm.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Được phép xả nước thải vào hệ thống thu gom nước thải của Công ty Cổ phần Quốc tế AAT và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH đồ chơi Yuhong.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH đồ chơi Yuhong có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký.

*(Từ ngày tháng 11 năm 2024 đến ngày tháng 11 năm 2034).*

**Điều 4.** Giao Phòng Quản lý môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (để b/c);
- UBND huyện Bình Lục;
- Công ty TNHH đồ chơi Yuhong (để t/h);
- Công ty Cổ phần quốc tế AAT (để p/h);
- TT TTDL&PTQD (đăng tải);
- Lưu: VT, MT, HS.

**GIÁM ĐỐC**

**Phạm Chí Thống**

## Phụ lục 1

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT  
ngày tháng 11 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Nước thải sinh hoạt của dự án được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Công ty Cổ phần Quốc tế AAT, không xả thải ra môi trường (theo thỏa thuận tại Hợp đồng số 408/2024/HĐTX ngày 04/6/2024 - Hợp đồng thuê nhà xưởng sản xuất giữa Công ty Cổ phần quốc tế AAT và Công ty TNHH đồ chơi Yuhong và Phụ lục bổ sung, sửa đổi, điều chỉnh Hợp đồng ngày 20/9/2024).

- Nước từ quá trình làm mát tại công đoạn ép phun, làm mát nhà xưởng được bơm tuần hoàn tái sử dụng, không xả thải ra môi trường.

- Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn phun sơn được thu gom và quản lý theo quy định của pháp luật về chất thải nguy hại.

### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Nước thải sinh hoạt của Công ty TNHH Đồ chơi Yuhong phát sinh do Công ty Cổ phần Quốc tế AAT thu gom xử lý và quản lý vận hành (theo thỏa thuận tại Hợp đồng số 408/2024/HĐTX ngày 04/6/2024 - Hợp đồng thuê nhà xưởng sản xuất giữa Công ty Cổ phần quốc tế AAT và Công ty TNHH đồ chơi Yuhong và Phụ lục bổ sung, sửa đổi, điều chỉnh Hợp đồng ngày 20/9/2024).

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải.

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các khu vệ sinh (nhà ăn, nhà vệ sinh, nhà điều hành) được thu gom theo đường ống nhựa PVC D90, dẫn xuống bể Bastaf xây ngầm dưới các công trình, nước thải sau xử lý được thu gom theo đường cống BTCT D300 dẫn về bể Bastaf xử lý tập trung của Công ty Cổ phần quốc tế AAT để xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

Nước thải từ khu vực nhà bếp được thu gom theo đường ống nhựa PVC D90 dẫn ra bể tách dầu mỡ, dung tích 1,1m<sup>3</sup> để tách dầu mỡ và rác thô. Nước sau bể tách dầu mỡ được thu gom theo đường cống BTCT D300 dẫn về bể Bastaf xử lý tập trung của Công ty Cổ phần quốc tế AAT. Tọa độ điểm xả ra ao cứu hỏa X(m) = 2266320,58; Y(m) = 609574,65 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105<sup>0</sup>, múi chiều 3<sup>0</sup>).

Toàn bộ nước thải phát sinh của Dự án được thu gom theo đường cống BTCT D300 về bể Bastaf (xây dựng ngầm khu đất giữa nhà ăn và nhà hành chính) xử lý tập trung, nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A xả ra ao cứu hỏa theo đường cống D300, chiều dài 45m. Nước lưu trong ao được tận dụng tưới cây, rửa đường, cứu hỏa trong khuôn viên nhà máy. Trường hợp nước trong ao đầy đến cột +2m miệng cống BTCT D400, chiều dài 40m tràn ra

mương tiêu xã An Nội, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt (từ khu nhà vệ sinh sau bể bastaf, nước thải khu nhà bếp sau bể tách dầu mỡ) => Bể bastaf => Ao cứu hỏa => Mương tiêu xã An Nội, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

- Công suất thiết kế: Bể bastaf (05 bể) có tổng dung tích thiết kế 195m<sup>3</sup>.

- Hóa chất sử dụng: Không.

### 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm. Nước thải sinh hoạt của dự án được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Công ty Cổ phần Quốc tế AAT, không xả thải ra môi trường (*theo thỏa thuận tại Hợp đồng số 408/2024/HĐTX ngày 04/6/2024 - Hợp đồng thuê nhà xưởng sản xuất giữa Công ty Cổ phần quốc tế AAT và Công ty TNHH đồ chơi Yuhong và Phụ lục bổ sung, sửa đổi, điều chỉnh Hợp đồng ngày 20/9/2024*).

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Công ty Cổ phần Quốc tế AAT, không xả thải ra môi trường.

3.2. Trong quá trình hoạt động, Công ty TNHH Đồ chơi Yuhong phải phối hợp với Công ty Cổ phần Quốc tế AAT để thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường theo quy định của Pháp luật.

**Phụ lục 2**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT ngày tháng 11 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**

**1. Nguồn phát sinh khí thải**

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn phun sơn số 01.
- Nguồn số 02: Bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn phun sơn số 02.
- Nguồn số 03: Bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn cắt.
- Nguồn số 04: Bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn in pad.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải**

2.1. Vị trí xả khí thải (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục  $105^0$ , múi chiều  $3^0$ )

- Dòng khí thải số 01 (tương ứng với nguồn số 01): Tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn phun sơn số 01. Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2266445; Y = 609501.

- Dòng khí thải số 02 (tương ứng với nguồn số 02): Tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn phun sơn số 02. Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2266447; Y = 609500.

- Dòng khí thải số 03 (tương ứng với nguồn số 03 và nguồn số 04): Tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn cắt và in pad. Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2266444; Y = 609501.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01 (tương ứng với nguồn thải số 1): 43.000 m<sup>3</sup>/h;
- Dòng khí thải số 02 (tương ứng với nguồn thải số 2): 43.000 m<sup>3</sup>/h;
- Dòng khí thải số 03 (tương ứng với nguồn thải số 3 và 4): 20.000 m<sup>3</sup>/h.

2.2.1. Phương thức xả khí thải

Xả gián đoạn theo thời gian hoạt động sản xuất của nhà máy.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B, các hệ số  $K_v=1,0$ ,  $K_p = 0,9$ ) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất hữu cơ cụ thể:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	-	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	180		
2	Xylen	mg/Nm <sup>3</sup>	870		
3	Benzen	mg/Nm <sup>3</sup>	5		
4	Toluen	mg/Nm <sup>3</sup>	750		

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải**

#### **1.1. Mạng lưới thu gom, xử lý khí thải**

- Nguồn số 01: Khí thải tại công đoạn phun sơn số 01 sẽ được quạt hút đưa vào bể lắng bụi, tháp hấp thụ và buồng than hoạt tính để xử lý trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

- Nguồn số 02: Khí thải tại công đoạn phun sơn số 02 sẽ được quạt hút đưa vào bể lắng bụi, tháp hấp thụ và buồng than hoạt tính để xử lý trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

- Nguồn số 03 và 04: Khí thải tại công đoạn cắt và in pad sẽ được quạt hút đưa vào tháp hấp thụ để xử lý trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

#### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải**

##### **1.2.1. Hệ thống xử lý khí thải công đoạn phun sơn số 01:**

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải phát sinh → Chụp hút → Đường ống thu gom → Quạt hút → Bể lắng bụi → Tháp hấp thụ → Buồng than hoạt tính → Môi trường không khí.

- Công suất thiết kế: 43.000 m<sup>3</sup>/h.

- Hóa chất sử dụng: Than hoạt tính.

##### **1.2.2. Hệ thống xử lý khí thải công đoạn phun sơn số 02:**

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải phát sinh → Chụp hút → Đường ống thu gom → Quạt hút → Bể lắng bụi → Tháp hấp thụ → Buồng than hoạt tính → Môi trường không khí.

- Công suất thiết kế: 43.000 m<sup>3</sup>/h.

- Hóa chất sử dụng: Than hoạt tính.

##### **1.2.3 Hệ thống xử lý khí thải công đoạn cắt và in pad:**

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải phát sinh → Chụp hút → Đường ống thu gom → Tháp hấp thụ → Môi trường không khí.

+ Công suất thiết kế: 20.000 m<sup>3</sup>/h.

+ Hóa chất sử dụng: Không.

#### **1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục**

Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

#### **1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo trì, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị hệ thống xử lý bụi, khí thải; dự phòng máy móc, thiết bị để thay thế khi hệ thống xử lý bụi, khí thải xuống cấp hoặc không có khả năng vận hành.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật để theo dõi quá trình vận hành của các hệ thống xử lý bụi, khí thải, đảm bảo tuân thủ đúng quy trình vận hành.

- Trường hợp hệ thống xử lý bụi, khí thải gặp sự cố phải tạm dừng hoạt động, dừng hoạt động sản xuất tại bộ phận có phát sinh khí thải (được xử lý tại hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố), đồng thời tìm nguyên nhân để khắc phục kịp thời. Chỉ đưa bộ phận có phát sinh khí thải vào hoạt động sau khi đã khắc phục xong sự cố.

- Trường hợp khí thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải, dừng hoạt động sản xuất để kiểm tra, xác định nguyên nhân để có biện pháp khắc phục kịp thời.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ ngày hoàn thành lắp đặt máy móc, thiết bị.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý khí thải.

### 2.2.1. Vị trí lấy mẫu

- Hệ thống xử lý bụi, khí thải công đoạn phun sơn số 01: Tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn phun sơn số 01.

- Hệ thống xử lý bụi, khí thải công đoạn phun sơn số 02: Tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn phun sơn số 02.

- Hệ thống xử lý bụi, khí thải công đoạn cắt và in pad: Tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn cắt và in pad.

### 2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm trong dòng khí thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.2.2 của phần A phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: 01 ngày/lần trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất, vật liệu để vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý khí thải trong quá trình hoạt động.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại Khoản 7, Khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

3.4. Bố trí điểm quan trắc khí thải, sàn thao tác đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định.

3.5. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.



**Phụ lục 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT*  
*ngày tháng 11 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: Tiếng ồn phát sinh tại khu vực phối trộn.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn phát sinh tại khu vực nghiền.
- Nguồn số 03: Tiếng ồn phát sinh tại khu vực cắt laser.
- Nguồn số 04: Tiếng ồn phát sinh tại khu vực may và thêu điện.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục  $105^0$ , múi chiếu  $3^0$ )**

- Nguồn số 01: Tại khu vực phối trộn. Tọa độ: X(m) = 2266245; Y(m) = 609483.
- Nguồn số 02: Tại khu vực nghiền. Tọa độ: X(m) = 2266375; Y(m) = 609548.
- Nguồn số 03: Tại khu vực cắt laser. Tọa độ: X(m) = 2266234; Y(m) = 609511.
- Nguồn số 04: Tại khu vực may và thêu điện. Tọa độ: X(m) = 2266285; Y(m) = 609529.

**3. Tiếng ồn, độ rung** phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian trong ngày và mức ồn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian trong ngày và mức gia tốc rung cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dB)	Từ 21-6 giờ (dB)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

**1. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.
- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Áp dụng thường xuyên, liên tục các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung tại dự án.

**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT*  
*ngày tháng 11 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên khoảng:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang hỏng	Rắn	16 01 06	50
2	Dầu động cơ hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	150
3	Giẻ lau dính dầu, găng tay đã qua sử dụng	Rắn	18 02 01	125
4	Vỏ bao bì mềm thải chứa thành phần nguy hại	Rắn	18 01 01	180
5	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	10
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại chứa thành phần nguy hại	Rắn	18 01 02	250
7	Vỏ hộp mực in thải	Rắn	08 02 04	150
8	Khuôn thải	Rắn	19 12 03	70
9	Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn phun sơn lần cận sơn thải	Lỏng	08 01 01	3.200
10	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	12 01 04	400
<b>Tổng cộng</b>				<b>4.585</b>

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng: 2.080 kg/tháng.

1.3. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

Chất thải rắn công nghiệp thông thường thành phần chủ yếu là vải thừa, chỉ thừa; vỏ bao bì nguyên vật liệu không dính hóa chất, bìa carton thải; sản phẩm lỗi không có khả năng phục hồi, không chứa các thành phần nguy hại; giấy loại văn phòng từ in ấn, tem mác, băng dính lõi hỏng,... khối lượng phát sinh: 1.200 kg/tháng.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: 10 thùng chứa dung tích 150 lít.

- Khu vực lưu chứa:

+ Diện tích kho: 50m<sup>2</sup> (dùng chung với Công ty Cổ phần AAT).

+ Thiết kế, cấu tạo: Có tường bao, mái che, nền bê tông, có hồ thu gom và gờ chống tràn chất thải lỏng. Mặt sàn trong khu vực lưu giữ CTNH bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; trang bị thiết bị PCCC, vật liệu hấp phụ như cát khô, mùn cưa, xéng; có gắn biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với các loại CTNH được lưu giữ theo TCVN 6707:2009.

2.2. Thiết bị, hệ thống công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: 05 - 07 thùng rác dung tích 120 lít thùng chứa đặt tại khu vực văn phòng.

- Khu vực lưu chứa:

+ Diện tích kho: 45m<sup>2</sup> (dùng chung với Công ty Cổ phần AAT).

+ Thiết kế, cấu tạo: Có tường bao, mái che, độ cao nền đảm bảo không bị ngập lụt; mặt sàn bảo đảm kín, không rạn nứt, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ.

2.3. Thiết bị, hệ thống công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa:

+ 05 - 07 thùng rác dung tích 10 lít thùng chứa đặt tại khu vực văn phòng.

+ 04 - 07 thùng rác dung tích 60 lít thùng chứa đặt tại khu vực nhà xưởng.

- Khu vực lưu chứa:

+ Diện tích kho: 5m<sup>2</sup> (dùng chung với Công ty Cổ phần AAT).

+ Thiết kế, cấu tạo: Có tường bao, mái che, độ cao nền đảm bảo không bị ngập lụt; mặt sàn bảo đảm kín, không rạn nứt, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

**Phụ lục 5**  
**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT*  
*ngày tháng 11 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)*

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:**

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy; thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022. Đảm bảo đủ diện tích cây xanh theo quy định.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

7. Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động; đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đề xuất cấp phép. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp, chủ dự án phải có Văn bản báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để được kiểm tra và hướng dẫn./.